

Bản án số: 09 /2019/HNGĐ-PT

Ngày: 03/4/2019

V/v: “*Tranh chấp ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các thẩm phán:- Bà Vũ Thị Yên

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thúy Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:* Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên

Ngày 03 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử công khai phúc thẩm vụ án HNGĐ thụ lý số 12/2019/HNGĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2019. Do bản án dân sự sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ – ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2018/QĐ – PT ngày 05/3/2019, quyết định hoãn phiên tòa số 05/2019/QĐ-PT ngày 27/3/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn : Ông Trần Công L, sinh năm 1956.

2. Bị đơn : Bà Bùi Thị H, sinh năm 1963.

Đều trú tại : Thôn T, xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương.

3. Người kháng cáo : Bà Bùi Thị H là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện K, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

-Nguyên đơn ông Trần Công L trình bày: ông và bà Bùi Thị H tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện K, tỉnh Hải Dương năm 1981. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, mất niềm tin dẫn đến thường xuyên cãi nhau. Năm 2010 vợ chồng ly thân, mỗi người sống một nơi và không còn quan tâm đến nhau. Nay ông xác định tình cảm

vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

- Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày: Thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn như ông L trình bày là đúng, sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 17 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do năm 2008 con chung của ông bà là Trần Công D chết, sau đó ông L có quan hệ với người phụ nữ khác, dẫn đến vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn. Ông bà sống ly thân từ năm 2010 cho đến nay. Nay bà xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nhưng bà không đồng ý ly hôn ông L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Trần Công D (Đã chết năm 2008) và Trần Thị Bích N, sinh năm 1982, đã trưởng thành nên ông L bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có khối tài sản chung là thửa đất số 385, tờ bản đồ số 2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 318778 và thửa đất số 471, tờ bản đồ số 2, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 109967. Ly hôn ông bà đều đề nghị chia đôi tài sản, nhưng sau đó ông L bà H đã thống nhất thỏa thuận về việc phân chia tài sản và rút yêu cầu chia tài sản. Do vậy Tòa án cấp sơ thẩm đã ra quyết định đình chỉ với nội dung này.

Tại bản án HNGĐ sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K đã áp dụng Điều 39 Bộ luật dân sự. Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Trần Công L được ly hôn bà Bùi Thị H.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 13/11/2018 bà H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm bác đơn xin ly hôn của ông L.

Tại phiên tòa: Bà H vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung kháng cáo. Bà xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, vì trên thực tế ông bà chưa mâu thuẫn trầm trọng. Nếu có việc ông L có quan hệ với người phụ nữ khác thì bà cũng sẽ tha thứ để ông L về đoàn tụ với bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ cho thấy mâu thuẫn giữa ông L và bà H đã trầm trọng. Bà H xin đoàn tụ nhưng không đưa ra được biện pháp khắc phục tình trạng vợ chồng. Do vậy không có căn cứ chấp

nhận kháng cáo của bà H. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, xem xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, quan điểm các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xác minh thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự .

[2] Xét kháng cáo của bà Bùi Thị H, Hội đồng xét xử thấy: Theo lời khai của ông L và bà H cho thấy sau khi kết hôn ông bà đã sống hạnh phúc được một thời gian dài 17 năm. Vợ chồng chỉ phát sinh mâu thuẫn từ năm 2008 khi con trai của ông bà chết. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ông L chỉ đưa ra căn cứ xin ly hôn bà H đó là vợ chồng bất đồng quan điểm sống, mất niềm tin dẫn đến thường xuyên cãi nhau, không có việc ông quan hệ với người phụ nữ khác. Tại phiên tòa bà H xác định vợ chồng đôi khi có cãi nhau nhưng chưa trầm trọng, ông L không có hành vi bạo lực đối với bà. Bản thân bà xác định còn tình cảm với ông L, hai bên tuổi đã cao cần nương tựa lúc tuổi già nên bà sẵn sàng bỏ qua tất cả để vợ chồng về đoàn tụ. Xét thấy mặc dù ông L và bà H có xảy ra mâu thuẫn trong quan hệ vợ chồng, nhưng trong suốt thời gian dài ông bà đã từng chung sống hạnh phúc, cùng lo toan, quán xuyến, vun vén cho gia đình. Việc ông bà có những rạn nứt về tình cảm chỉ là nhất thời, buồn chán do con chung của ông bà đã mất. Nay bà H xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, bà muốn có thời gian để hai bên hàn gắn, đoàn tụ. Do vậy cần tạo điều kiện để 2 ông bà có thời gian hàn gắn tình cảm, nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà H. Bác đơn ly hôn của ông L. Trong thời hạn 1 năm, nếu hai bên không khắc phục, cải thiện được tình cảm vợ chồng thì ông L được quyền làm đơn ly hôn bà H.

Đối với nội dung kháng cáo liên quan đến tài sản chung vợ chồng: Tại cấp sơ thẩm ông L và bà H đã thỏa thuận phân chia tài sản, cùng tự nguyện rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng. Tòa án đã ra Quyết định đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng. Mặt khác tại phiên tòa phúc thẩm bà H cũng không đề nghị xem xét nội dung này, do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà H kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí phúc thẩm.

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, cấp phúc thẩm không xét và đã có hiệu lực kể từ khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H. Sửa bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 34/2018/HNGĐ-ST ngày 01/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương, như sau:

Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Bác đơn ly hôn của ông Trần Công L xin ly hôn bà Bùi Thị H.

-Về án phí: Ông L phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng ông đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, theo biên lai số AA/2016/0000769 ngày 21/3/2018. Ông L đã nộp đủ án phí sơ thẩm ly hôn.

Bà H không phải chịu án phí Hôn nhân gia đình phúc thẩm. Hoàn trả bà H 300.000đ tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình phúc thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003774 ngày 15/11/2018 tại chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN**

(đã ký)

Nguyễn Thị Thu Hiền